

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị Quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển trên thành phố Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-UBND 31 tháng 01 năm 2024 của UBND quận Liên Chiểu về việc thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Đầu tư dây chuyền đắp lớp” tại Lô H, đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và kết quả thẩm định của tổ thẩm định;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Tờ trình về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Đầu tư dây chuyền đắp lớp” ngày 11 tháng 03 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Liên Chiểu tại Tờ trình số 330/TTr-TNMT ngày 29 tháng 3 năm 2024.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng, địa chỉ tại Lô G, đường Tạ Quang Bửu, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư dây chuyền đắp lớp” tại Lô H, đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường

Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng với các nội dung như sau:

### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên cơ sở “Đầu tư dây chuyền đắp lớp”

1.2. Địa điểm hoạt động: Cơ sở sử dụng nhà xưởng tại Lô H, đường số 7, KCN Liên Chiểu, phường Hoà Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư: số 4338885287 do Ban quản lý Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 6 năm 2016, chứng nhận điều chỉnh lần 1 ngày 28 tháng 8 năm 2023.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101531 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 31/12/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14, ngày 04 tháng 11 năm 2020.

1.4. Mã số thuế: 0400101531.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy sản xuất sảm lớp ô tô, máy kéo, mô tô, xe đạp; nhà máy sản xuất băng tải; nhà máy sản xuất cao su kỹ thuật theo Phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Chi tiết: Sản xuất sản phẩm lớp đắp ô tô các loại).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: cơ sở được phân loại là dự án nhóm C Theo tiêu chí của Luật Đầu tư công.

- Tổng diện tích nhà xưởng sử dụng của cơ sở là 3.744,3 m<sup>2</sup>. Ngoài ra, các hạng mục phụ trợ phục vụ hoạt động của cơ sở như nhà trực ca + chứa khuôn, bãi cốt lớp, nhà vệ sinh và phần diện tích bên ngoài nhà xưởng để bố trí công trình phụ trợ (hệ thống xử lý bụi, hệ thống thông gió làm mát,...).

- Quy mô công suất sản xuất của cơ sở: Đắp lớp nguội ô tô các loại: 30.000 lớp/năm; Đắp lớp nóng ô tô các loại: 80.000 lớp/năm.

### **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của chủ dự án được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu khí thải, tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, khí thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND quận Liên Chiểu, Ban quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận Liên Chiểu, UBND phường Hòa Hiệp Bắc nếu đề xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có những thay khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND quận Liên Chiểu.

**Điều 3.** Giấy phép này có thời hạn 10 năm kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Ủy ban nhân dân phường Hòa Hiệp Bắc phối hợp với Ban quản Khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp Đà Nẵng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư dây chuyền đắp lốp” theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng (thực hiện);
- Sở TNMT thành phố (báo cáo);
- BQL Khu CNC và Các KCN Đà Nẵng;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng;
- Trang thông tin điện tử quận Liên Chiểu;
- Phòng TNMT quận;
- UBND phường Hòa Hiệp Bắc;
- Lưu: VT, TNMT (T.Trinh).



**Huỳnh Anh Vũ**

## **Phụ lục I**

# **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMТ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Liên Chiểu)*

## **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

Không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải KCN và thu gom về Trạm xử lý nước thải KCN Liên Chiểu để tiếp tục xử lý, không xả ra môi trường).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nhà xưởng Đắp lớp là một hạng mục nằm trong toàn thể các nhà xưởng của lô H và sử dụng chung công trình vệ sinh, nhà ăn của toàn bộ lô H. Công trình thu gom, thoát nước thải của toàn bộ lô H như sau:

\* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hồ ga → tuyến ống bê tông cốt thép D300,  $i = 0,25\%$  → Bể 03 ngăn → Hồ ga đầu nối KCN → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Liên Chiểu trên đường số 10 bằng đường ống PVC- Ø250 → Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Liên Chiểu.

- Nước thải tắm rửa, vệ sinh tay chân,... → Hồ ga → tuyến ống bê tông cốt thép D300,  $i = 0,25\%$  → Bể 03 ngăn → Hồ ga đầu nối KCN → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Liên Chiểu trên đường số 10 bằng đường ống PVC-Ø250 → Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Liên Chiểu.

- Nước thải nhà bếp → Bể tách mỡ → Hồ ga → tuyến ống bê tông cốt thép D300,  $i = 0,25\%$  → Bể 03 ngăn → Hồ ga đầu nối KCN → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Liên Chiểu trên đường số 10 bằng đường ống PVC-Ø250 → Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Liên Chiểu.

\* Nước thải sản xuất:

- Cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

- Nước thải vệ sinh khuôn, dụng cụ tại các hạng mục, cơ sở khác tại lô H → Hồ ga → tuyến ống bê tông cốt thép D300,  $i = 0,25\%$  → Bể 03 ngăn → Hồ ga đầu nối KCN → Hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Liên Chiêu trên đường số 10 bằng đường ống PVC-Ø250 → Trạm xử lý nước thải tập trung KCN Liên Chiêu.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

\* Bể tự hoại (2 ngăn và 3 ngăn)

- Số lượng: 05 bể.

- Vị trí, công suất: kho tổng hợp (1 bể 2 ngăn, Vhi:  $6,6 \text{ m}^3$ ); Nhà xưởng sấm (1 bể 3 ngăn, Vhi:  $10,2 \text{ m}^3$ ); Nhà xưởng lớp (2 bể 3 ngăn, Vhi:  $10,2 \text{ m}^3$ ); Nhà ăn ca (1 bể 2 ngăn, Vhi:  $5,8 \text{ m}^3$ )

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không

\* Bể tách mỡ

- Số lượng: 01 bể.

- Vị trí, công suất: Nhà ăn ca (Vhi  $5,0 \text{ m}^3$ )

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không

\* Bể 03 ngăn

- Số lượng: 01 bể.

- Vị trí, công suất: Gần vị trí đầu nối nước thải đường số 10 (Vhi  $16,8 \text{ m}^3$ )

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thực hiện đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải để dẫn về trạm XLNT tập trung khu công nghiệp.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống thu gom nước thải, tránh hiện tượng rò rỉ, vỡ ống gây ô nhiễm môi trường khu vực.

- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng và chất lượng nước đầu ra của nước thải nhằm đánh giá hiệu quả xử lý, cũng như có biện pháp cải tạo cho hệ thống hoạt động ổn định.

- Định kỳ sẽ tiến hành nạo vét, bơm hút bùn cặn tại các bể và các hố ga.
- Phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu Tư Sài Gòn - Đà Nẵng trong việc kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn thải để có biện pháp xử lý kịp thời.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở đảm bảo đáp ứng yêu cầu, điều kiện tiếp nhận nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Liên Chiểu; công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố.

3.2. Công ty Cổ phần Cổ phần Cao su Đà Nẵng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Liên Chiểu và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thực hiện đúng quy định tại Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
 ngày tháng năm 2024 của UBND quận Liên Chiểu)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

*\* Nguồn thải có hệ thống xử lý:*

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đắp nguội
- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đắp nóng
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nguội
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nóng
- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ công đoạn mài mặt lớp sản phẩm đắp nguội

*\* Nguồn thải không có hệ thống xử lý:*

- Nguồn số 06: Hơi dung môi từ công đoạn phun keo sản phẩm đắp nguội
- Nguồn số 07: Hơi dung môi từ công đoạn phun keo sản phẩm đắp nóng
- Nguồn số 08: Nhiệt, mùi từ công đoạn luyện hồ

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 1: tương ứng với ống thải sau hệ thống xử lý Cyclone đơn - Cyclone chùm số 1 (nguồn số 01); ống thải Ø450mm, cao 8,5m (tính từ mặt đất), toạ độ vị trí xả thải: X = 1783834; Y= 538386.

- Dòng khí thải số 2: tương ứng với ống thải sau hệ thống xử lý Cyclone đơn - Cyclone chùm số 2 (nguồn số 02); ống thải Ø 450mm, cao 8,5m (tính từ mặt đất), toạ độ vị trí xả thải: X = 1783827; Y= 538320.

- Dòng khí thải số 3: tương ứng với ống thải sau hệ thống xử lý lọc bụi túi vải 01 (nguồn số 03); ống thải Ø400mm, cao 9,0m (tính từ mặt đất), toạ độ vị trí xả thải: X = 1783821; Y= 538381.

- Dòng khí thải số 4: tương ứng với ống thải sau hệ thống xử lý Cyclone đơn - Lọc bụi túi vải 02 (nguồn số 04); ống thải Ø300mm, cao 7,0m (tính từ mặt đất), toạ độ vị trí xả thải: X = 1783813; Y= 538305.

- Dòng khí thải số 5: tương ứng với ống thải sau hệ thống xử lý lọc bụi túi vải 03 (nguồn số 05); ống thải Ø400mm, cao 9,0m (tính từ mặt đất), toạ độ vị trí xả thải: X = 1783831; Y= 538371

(theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

- Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên khu vực cơ sở “Đầu tư dây chuyền đắp lớp”, tại địa điểm: Lô H - đường số 7, KCN Liên Chiêu, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiêu, thành phố Đà Nẵng.

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 1: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Dòng khí thải số 2: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Dòng khí thải số 3: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Dòng khí thải số 4: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 12.000 m<sup>3</sup>/giờ
- Dòng khí thải số 5: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 11.000 m<sup>3</sup>/giờ

### 2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 1: xả liên tục khi khi hoạt động sản xuất.
- Dòng khí thải số 2: xả liên tục khi khi hoạt động sản xuất.
- Dòng khí thải số 3: xả liên tục khi khi hoạt động sản xuất.
- Dòng khí thải số 4: xả liên tục khi khi hoạt động sản xuất.
- Dòng khí thải số 5: xả liên tục khi khi hoạt động sản xuất.

### 2.2.2. Chất lượng khí thải:

Khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B với hệ K<sub>p</sub>=1; K<sub>v</sub> = 1); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
	Dòng khí thải số: 01, 02, 03, 04, 05,				
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Nhiệt độ	°C	-		
3	Áp suất	N/m <sup>2</sup>	-		
4	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	C <sub>max</sub> = C x K <sub>p</sub> x K <sub>v</sub> Với C = 200mg/Nm <sup>3</sup>		

(Ghi chú: Cơ sở áp dụng hệ số K<sub>p</sub> = 1 đối với các dòng thải do lưu lượng < 20.000 m<sup>3</sup>/h và K<sub>v</sub> = 1 đối với Khu công nghiệp, Ngoài ra áp dụng giá trị K<sub>v</sub> theo quy định của QCVN 19:2009/BTNMT và các văn bản hướng dẫn hiện hành)

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đắp nguội → chụp hút kết nối ống nhựa xoắn Ø200mm → ống thép Ø300mm → Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 1 → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 01.

- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đắp nóng → chụp hút kết nối ống thép Ø200mm → ống thép Ø250mm → Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 2 → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 02

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nguội → chụp hút kết nối ống thép Ø168mm → ống thép Ø300mm → Hệ thống lọc bụi túi vải 01 → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 03

- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nóng → phễu hút kết nối ống thép Ø76mm → ống thép Ø300mm → Hệ thống Cyclone đơn - Lọc bụi túi vải 02 → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 04

- Nguồn số 05: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn mài tấm cao su mặt lớp sản phẩm đắp nguội → chụp hút kết nối ống thép Ø168mm, máng thu kết nối ống PVC Ø114 → ống thép Ø300mm → Hệ thống lọc bụi túi vải 03 → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải tương ứng dòng khí thải số 05

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 1 xử lý bụi từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đắp nguội:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi bào → Cyclone đơn → Quạt hút → Cyclon chùm → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.2.2. Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 2 xử lý bụi từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đắp nóng:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi bào → Cyclone đơn → Quạt hút → Cyclon chùm → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 11.000 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.2.3. Hệ thống Lọc bụi túi vải 01 xử lý bụi từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nguội:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi mài → Lọc bụi túi vải 01 → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.2.4. Hệ thống Cyclone đơn - Lọc bụi túi vải 02 xử lý bụi từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nóng:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi mài → Cyclone đơn - Lọc bụi túi vải 02 → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 12.000 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.2.5. Hệ thống Lọc bụi túi vải 03 xử lý bụi từ công đoạn mài tấm cao su mặt lớp sản phẩm đắp nguội:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi mài → Lọc bụi túi vải 03 → Quạt hút → Xả ra ngoài môi trường qua ống thải.

- Công suất thiết kế: 11.000 m<sup>3</sup>/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không

- Chế độ vận hành: Liên tục khi hoạt động sản xuất

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt được quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

#### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các hệ thống xử lý bụi, khí thải, tuân thủ các yêu cầu thiết kế của hệ thống xử lý khí thải, chuẩn bị các bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng.

- Trang bị sẵn một số thiết bị dự phòng để xử lý nhanh, khắc phục sự cố như: động cơ quạt, vật tư phụ kiện, đường ống gió, vật tư cơ khí; dụng cụ, thiết bị sửa chữa,...

- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hằng ngày để kịp thời phát hiện và xử lý các dấu hiệu có khả năng dẫn đến xảy ra sự cố.

- Tuyển dụng cán bộ có chuyên môn để vận hành hệ thống.

- Lập sổ theo dõi quá trình vận hành để ghi chép các hiện tượng, sự cố bất thường và giải pháp xử lý sự cố.

- Khi có sự cố xảy ra, huy động đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên trách tại nhà máy để khắc phục, xử lý nhanh sự cố. Trường hợp cần thiết sẽ thông báo cho đơn vị bảo trì đến xử lý sự cố.

- Tạm dừng hoạt động của dây chuyền, thiết bị sản xuất liên quan đến hệ thống xử lý bị sự cố. Hoàn thành khắc phục sự cố trước khi cho dây chuyền sản xuất hoạt động trở lại.

- Thực hiện ngừng hoạt động sản xuất khi có phản ánh, khiếu nại từ các đơn vị xung quanh và nhà máy trong KCN liên quan đến nguồn khí thải từ cơ sở. Phối hợp tích cực với các cơ quan quản lý để kiểm tra, giám sát các kiến nghị liên quan, đồng thời thực hiện các giải pháp kỹ thuật và quản lý để khắc phục sự cố nếu có và báo cơ quan có thẩm quyền để xem xét đánh giá.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 1 Xử lý bụi từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đập nguội.

- Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm số 2 Xử lý bụi từ công đoạn bào cốt lớp sản phẩm đập nóng.

- Hệ thống lọc bụi túi vải 01 Xử lý bụi từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nguội.

- Hệ thống Cyclone đơn - lọc bụi túi vải 02 Xử lý bụi từ công đoạn mài cốt lớp sản phẩm đắp nóng.

- Hệ thống lọc bụi túi vải 03 Xử lý bụi từ công đoạn mài mặt lớp sản phẩm đắp nguội.

a) Vị trí lấy mẫu: tại các ống thải sau các công trình xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm.

b) Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải, thực hiện đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tương ứng tại mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này.

c) Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Phần A của Phụ lục này và phải dừng ngay hoạt động của Nhà máy đồng thời dừng việc xả thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm của các công trình xử lý khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện các nội dung quy định tại Khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử

thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi về UBND quận Liên Chiểu trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.6. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, vật liệu sử dụng bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.7. Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống để phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ.

3.8. Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

**Phụ lục III**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘNG RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày tháng năm 2024 của UBND quận Liên Chiểu)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘNG RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

**1.1. Nguồn phát sinh**

- Nguồn số 01: khu vực đại diện tại công đoạn bào cốt Lớp nguội.
- Nguồn số 02: khu vực đại diện tại công đoạn mài cốt Lớp nguội.
- Nguồn số 03: khu vực đại diện tại công đoạn mài mặt Lớp nguội.
- Nguồn số 04: khu vực đại diện tại công đoạn bào cốt Lớp nóng.
- Nguồn số 05: khu vực đại diện tại công đoạn mài cốt Lớp nóng.
- Nguồn số 06: khu vực đại diện tại công đoạn luyện hồ.
- Nguồn số 07: khu vực đặt máy ép đùn dán mặt lớp.
- Nguồn số 08: khu vực đại diện tại công đoạn lưu hóa.
- Nguồn số 09: khu vực đại diện tại máy ép thủy lực.
- Nguồn số 10: khu vực phòng máy nén khí sản xuất.
- Nguồn số 11: khu vực đặt quạt hút Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm 1.
- Nguồn số 12: khu vực đặt quạt hút Hệ thống Cyclone đơn - Cyclone chùm 2.
- Nguồn số 13: khu vực đặt quạt hút Hệ thống lọc bụi túi vải 01.
- Nguồn số 14: khu vực đặt quạt hút Hệ thống lọc bụi túi vải 02.
- Nguồn số 15: khu vực đặt quạt hút Hệ thống lọc bụi túi vải 03.

**1.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 1 có tọa độ: X = 1783849; Y = 538373
- Nguồn số 2 có tọa độ: X = 1783813; Y = 538381
- Nguồn số 3 có tọa độ: X = 1783830; Y = 538366
- Nguồn số 4 có tọa độ: X = 1783809; Y = 538306
- Nguồn số 5 có tọa độ: X = 1783807; Y = 538329
- Nguồn số 6 có tọa độ: X = 1783808; Y = 538413
- Nguồn số 7 có tọa độ: X = 1783789; Y = 538321
- Nguồn số 8 có tọa độ: X = 1783785; Y = 538321
- Nguồn số 9 có tọa độ: X = 1783785; Y = 538389

- Nguồn số 10 có tọa độ: X = 1783800; Y = 538297
- Nguồn số 11 có tọa độ: X = 1783836; Y = 538374
- Nguồn số 12 có tọa độ: X = 1783821; Y = 538312
- Nguồn số 13 có tọa độ: X = 1783835; Y = 538385
- Nguồn số 14 có tọa độ: X = 1783810; Y = 538308
- Nguồn số 15 có tọa độ: X = 1783830; Y = 538366

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

2.1. Tiếng ồn: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

2.2. Độ rung: Giá trị giới hạn đối với độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ - 21 giờ	Từ 21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Có giải pháp cách ly các công đoạn có phát sinh tiếng ồn lớn, thường xuyên với các khu vực sản xuất khác trong nhà xưởng như: công đoạn lắp, mài lắp được bố trí trong phòng và khu vực riêng.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng,

- Bố trí thời gian sản xuất, chế độ ca kíp hợp lý để tránh làm việc quá lâu trong khu vực có tiếng ồn cao.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân: giày, găng tay, kính, khẩu trang, mũ, nút bịt tai chống tiếng ồn và quần áo bảo hộ lao động.

### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục IV**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND*  
*ngày tháng năm 2024 của UBND quận Liên Chiểu)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì mềm thải nhiễm CTNH	18 01 01	150
2	Bao bì kim loại cứng thải nhiễm CTNH	18 01 02	30
3	Bao bì nhựa cứng thải nhiễm CTNH	18 01 03	40
4	Bao bì cứng (vật liệu khác) thải nhiễm CTNH	18 01 04	10
5	Chất hấp thụ, hấp phụ, vật liệu lọc, Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần NH	18 02 01	300
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	500
7	Các loại dầu thủy lực thải khác	17 01 07	400
8	Pin, ắc quy thải	16 01 12	5
9	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	5
10	Bóng đèn huỳnh quang bị hỏng trong quá trình sử dụng	16 01 06	5
11	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện,....	16 01 13	2
	<b>Tổng</b>		<b>1.447</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Chủng loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Cốt Lốp không đảm bảo (nguồn DRC)	15 01 10	12,2
2	Cốt Lốp không đảm bảo (nguồn Đại lý cung cấp)	15 01 10	5,2
3	Bụi cao su, rêu cao su	12 08 06	331,6
4	Các loại khác	-	2,2
	<b>Tổng cộng</b>		<b>351,2</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở là: 14,5 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có dung tích phù hợp với các loại chất thải, được lưu chứa riêng biệt, dán nhãn, phân loại mã chất thải nguy hại và phải đáp ứng yêu cầu tại Điều 35 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.1.2. Kho lưu chứa:

- Đặt tạm thời tại khu vực quy định trong nhà xưởng sản xuất và tập kết đến 02 Kho chứa chất thải nguy hại chung của công ty đặt tại lô G.

- Diện tích kho tại lô G: 22,7m<sup>2</sup> (kho 1) và 44,1m<sup>2</sup> (kho 2)

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Các kho có kết cấu trụ bằng BTCT, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền đổ bê tông không thấm thấu, tại mỗi kho đều có gờ chắn chống tràn đổ hóa chất ra bên ngoài, có hồ thu chất lỏng dung tích  $\approx$  210 lít.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

- Thiết bị, dụng cụ, kho lưu chứa chất thải nguy hại đáp ứng các yêu cầu tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng sắt, thùng gỗ, thùng nhựa chuyên dụng

#### 2.2.2. Kho lưu chứa/Khu vực lưu chứa:

- Cốt lợp không đảm bảo: tập kết tại bãi cốt lợp tại lô H.

- Chất thải công nghiệp thông thường khác: Bố trí thùng tại chứa tại khu vực chỉ định trong nhà xưởng, hằng ngày vận chuyển tập kết Kho chứa chất thải chung của công ty đặt tại lô G.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/ khu vực lưu chứa:

- + Bãi cốt lợp: có kết cấu cột kèo thép, mái che bằng tôn, nền bê tông, xi măng.

- + Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường chung tại lô G có diện tích 250m<sup>2</sup>, chia làm 5 khu vực lưu trữ theo chủng loại chất thải, mỗi khu có diện tích

50m<sup>2</sup>. Kho có kết cấu bằng khung kèo thép, tường, vách xây gạch, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.

- Thiết bị, dụng cụ lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường và kho hoặc khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp đáp ứng các yêu cầu tại Điều 33 Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chuyên dụng bằng vật liệu nhựa, có nắp đậy tại khu vực bên trong và ngoài nhà xưởng, khu vực tập kết chất thải

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Điểm tập kết bố trí chung cho toàn lô H tại khu vực cổng chính

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.5. Yêu cầu khác: định kỳ thực hiện thống kê loại, khối lượng phát sinh chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt riêng đối với Cơ sở “Đầu tư dây chuyền đắp lớp”.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## **Phụ lục V**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND  
ngày tháng năm 2024 của UBND quận Liên Chiểu)*

#### **A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải cải tạo, phục hồi môi trường

#### **B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học

#### **C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

3. Thực hiện công khai giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng hoặc tại trụ sở Ủy Ban nhân dân cấp phường/xã nơi thực hiện dự án, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải rắn nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

5. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy à quản lý hóa chất. Thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp thông tin liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm (kỳ báo cáo tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12) theo mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 và gửi đến các cơ quan sau đây: UBND quận Liên Chiểu, Ban Quản Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng, Công ty Cổ phần Đầu Tư Sài Gòn - Đà Nẵng (SDN) trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo. Hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường và phương thức gửi báo cáo bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Khoản 3 và 4 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022; Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện lưu giữ các tài liệu liên quan đến báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra.

9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.